

ĐIỀU KHOẢN & ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Điều 1. Nguyên tắc chung

Nội dung của Bản Điều khoản và Điều kiện này cùng với Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp tạo thành một Hợp đồng tín dụng (gọi tắt là Hợp Đồng) giữa Ngân hàng và Chủ thẻ. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Chủ thẻ và Ngân hàng đã đồng ý chấp nhận tất cả các quy định được nêu trong Bản Điều khoản và Điều kiện này. Chủ thẻ có trách nhiệm xem xét và đọc kỹ nội dung được nêu trong Bản Điều khoản và Điều kiện này trước khi sử dụng Thẻ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Ngân hàng:** là Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt.
- Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng doanh nghiệp:** là yêu cầu thể hiện dưới dạng văn bản thể hiện ý chí của Chủ thẻ về việc yêu cầu Ngân hàng mở thẻ tín dụng theo mẫu biểu của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.
- Tài khoản Thẻ** (sau đây gọi tắt là Tài khoản): Là tài khoản được mở tại Ngân hàng phù hợp với Hợp đồng cấp thẻ tín dụng để quản lý các giao dịch phát sinh trên Thẻ.
- Thẻ:** là các loại thẻ tín dụng mà Ngân hàng phát hành cho Chủ thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp bởi Ngân hàng.
- Chủ thẻ:** là Doanh nghiệp có tên trên Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã được Ngân hàng chấp thuận và cấp Thẻ. Doanh nghiệp sẽ là người chịu mọi trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng Thẻ
- Người sử dụng thẻ:** là người được cấp Thẻ theo đề nghị của Chủ thẻ trên Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng.
- Tổ chức thanh toán thẻ** (gọi tắt là TCTTT): là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện dịch vụ thanh toán thẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Đơn vị chấp nhận Thẻ** (sau đây gọi tắt là ĐVCNT): là tất cả các tổ chức, cá nhân được TCTTT ủy quyền chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.
- Easy Payment:** là các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ qua POS mà chủ thẻ không cần ký tên trên hóa đơn. Dịch vụ này chỉ được áp dụng tại một số loại hình đơn vị chấp nhận thẻ nhất định và khi số tiền hàng hóa dịch vụ nhỏ hơn một giá trị nhất định theo quy định của TCTQT trong từng thời kỳ.
- Giao dịch thanh toán:** là các giao dịch bao gồm giao dịch đặt trước, giao dịch thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ tại các ĐVCNT và qua Internet.
- Giao dịch rút tiền mặt:** là các giao dịch mà người sử dụng thẻ nhận được tiền mặt hoặc các giao dịch tương đương tiền mặt bao gồm các giao dịch có thể quy đổi trực tiếp thành tiền, giao dịch mua ngoại tệ, giao dịch chuyển tiền tại ATM và qua Internet, giao dịch liên quan đến các trò chơi có thưởng.
- Máy giao dịch tự động** (Automated Teller Machine - sau đây gọi tắt là ATM): là thiết bị mà người sử dụng thẻ có thể sử dụng để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, tra cứu thông tin giao dịch thẻ hoặc sử dụng các dịch vụ khác.

- PIN:** là một dãy mã số bí mật của người sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp để thực hiện các giao dịch thẻ tại ATM hoặc máy POS. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm bảo mật và có thể thay đổi mã số này trong suốt quá trình sử dụng Thẻ.
- Mã OTP:** là mật khẩu sử dụng một lần và có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định do Ngân hàng cung cấp để xác thực trong các giao dịch thẻ trực tuyến. OTP được gửi cho người sử dụng thẻ qua SMS, token, email hoặc một phương thức/ thiết bị xác thực khác do Ngân hàng triển khai và công bố trong từng thời kỳ.
- Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán** bao gồm POS (Point of sale), mPOS (Mobile Point of Sale) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác: là các thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà người sử dụng thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
- Bảng sao kê giao dịch thẻ (gọi tắt là Bảng sao kê):** là chứng từ do Ngân hàng lập và gửi cho khách hàng/ chủ thẻ định kỳ hàng tháng, liệt kê tất cả các khoản phát sinh trên tài khoản thẻ (bao gồm các giao dịch, tiền lãi, phí, sự điều chỉnh nếu có phát sinh trong kỳ sao kê) và Dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán.
- Kỳ sao kê:** là khoảng thời gian giữa hai lần phát hành Bảng sao kê liên tiếp.
- Dư nợ cuối kỳ (gọi tắt là Dư Nợ):** là tổng số tiền Chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng bao gồm các giao dịch đã ghi nhận vào tài khoản thẻ, phí, tiền lãi và các khoản phải trả khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ chưa được Chủ thẻ thanh toán cho Ngân hàng và được chỉ định trong Bảng sao kê.
- Số tiền thanh toán tối thiểu (còn gọi là Khoản thanh toán tối thiểu):** là số tiền tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước Ngày đến hạn trong mỗi Kỳ sao kê, bao gồm Định mức thanh toán tối thiểu cộng với khoản vượt hạn mức tín dụng, khoản tiền của giao dịch trả góp hàng tháng và Khoản thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán của kỳ sao kê trước (nếu có).
- Định mức thanh toán tối thiểu** là % trên tổng dư nợ của Tài khoản thẻ hoặc một số tiền cố định dùng để quy ra số tiền tối thiểu cần phải thanh toán. Chủ thẻ có thể đăng ký Định mức thanh toán tối thiểu theo công bố của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Ngày đến hạn:** là ngày cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán toàn bộ Dư nợ cuối kỳ hoặc Khoản thanh toán tối thiểu được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng.
- Hạn mức tín dụng:** là hạn mức tín dụng toàn hạn được Ngân hàng cấp cho Chủ thẻ trong một thời hạn nhất định thông qua việc phát hành thẻ, Chủ thẻ có thể thực hiện các giao dịch bằng Thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng tối đa được cấp.
- Ngày làm việc:** có nghĩa là ngày làm việc thực tế của Ngân hàng (không bao gồm các ngày nghỉ, lễ, Tết).

Điều 3. Các khoản phí và lãi suất

Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không huỷ ngang các khoản phí và lãi suất và Ngân hàng có toàn quyền ghi nợ vào Tài khoản hoặc bất kỳ tài khoản nào của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng mà không cần phải có

bất kỳ sự thông báo, yêu cầu, xác nhận và chấp thuận của Chủ thẻ để thu các khoản phí, bao gồm các loại phí và lãi suất sau:

1. **Lãi suất:** được áp dụng theo Điều 11 của Bản Điều khoản và Điều kiện này.
2. **Phí phát hành thẻ:** là phí ban đầu khi khách hàng đề nghị cấp Thẻ và được Ngân hàng chấp thuận.
3. **Phí thường niên:** là phí định kỳ duy trì Thẻ hàng năm.
4. **Phí rút tiền mặt** là phí được tính ngay lập tức khi thực hiện giao dịch, được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt. Phí này chưa bao gồm các phí được thu tại ĐVCNT hoặc tại ATM của ngân hàng khác.
5. **Phí xử lý giao dịch rút tiền mặt tại ngân hàng khác:** được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt khi người sử dụng thẻ rút tiền mặt tại ngân hàng khác.
6. **Phí vượt hạn mức tín dụng:** được tính trên số dư nợ vượt hạn mức tín dụng theo một tỉ lệ hoặc theo một mức phí cố định theo biểu phí do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.
7. **Phí chậm thanh toán:** là khoản phí được thu khi Chủ thẻ không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán dư nợ không đúng hạn.
8. **Phí thay thế thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu thay thế Thẻ trước ngày hết hạn của Thẻ.
9. **Phí thất lạc thẻ:** được tính khi Thẻ bị thất lạc/mất cắp và Chủ thẻ thông báo cho Ngân hàng để thực hiện khóa thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này.
10. **Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, điện thoại, Internet:** được tính khi người sử dụng thẻ đặt hàng, dịch vụ và có xác nhận của Ngân hàng khi thực hiện giao dịch thẻ.
11. **Phí thay đổi hạn mức tín dụng:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu và được Ngân hàng chấp thuận tăng hay giảm hạn mức tín dụng.
12. **Phí chuyển đổi hình thức và/hoặc tài sản đảm bảo sử dụng Thẻ:** được tính khi Chủ thẻ có yêu cầu chuyển đổi hình thức và/hoặc tài sản đảm bảo Thẻ.
13. **Phí xác nhận theo yêu cầu Chủ thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu xác nhận hạn mức tín dụng, tình trạng Tài khoản.
14. **Phí cấp bản sao bảng sao kê giao dịch:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao ngoài Bảng sao kê mà Ngân hàng đã gửi cho Chủ thẻ hàng tháng.
15. **Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (HĐGD):** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao HĐGD ngoài HĐGD Chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.
16. **Phí cấp lại PIN:** được tính khi người sử dụng thẻ yêu cầu cấp lại PIN mới.
17. **Phí khiếu nại:** được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hay không chính xác giao dịch thẻ.
18. **Phí giao dịch ngoại tệ:** áp dụng cho các giao dịch thẻ khác Việt Nam đồng, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nợ/có vào Tài khoản. Phí này được tính gộp vào số tiền giao dịch quy đổi và được ghi nợ/có vào Tài khoản.
19. **Phí không thực hiện giao dịch:** là các phí dịch vụ, thuế (nếu có) mà Chủ thẻ phải thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ theo quy định do Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước mà không sử dụng dịch

vụ hoặc không được bên cung cấp dịch vụ chấp nhận hủy việc sử dụng dịch vụ đó.

20. **Phí quản lý Tài khoản thẻ:** được tính khi Tài khoản thẻ vẫn duy trì số dư có sau 15 ngày kể từ ngày Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ.
21. **Phí dịch vụ đặc biệt:** là khoản phí thu khi Chủ thẻ có đăng ký địa chỉ email với ngân hàng nhưng yêu cầu gửi bảng sao kê giao dịch qua bưu điện và phí thay thế thẻ lần 2 trở đi trong một chu kỳ sử dụng Thẻ.
22. **Các loại phí khác:** được Ngân hàng thông báo tại từng thời điểm theo các hình thức quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện này.

Chi tiết của tất cả các loại phí và mức lãi suất nêu trên được quy định tại biểu phí áp dụng cho Thẻ được Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào về mức phí, loại phí và hình thức thu phí, Ngân hàng sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo cách thức quy định tại Điều 17 Bản Điều khoản và Điều kiện này. Biểu phí được thay đổi sẽ được áp dụng sau 07 ngày kể từ ngày thông báo của Ngân hàng. Chủ thẻ sẽ được mặc nhiên xem là đồng ý với biểu phí này nếu vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ ngay sau khi biểu phí này có hiệu lực. Chủ thẻ có thể tham khảo biểu phí do VCCB ban hành trong từng thời kỳ tại website: <https://card.vietcapitalbank.com.vn>, tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc qua các phương tiện khác của Ngân hàng..

Điều 4. Quản lý Thẻ, PIN và Mã OTP

1. Thẻ là tài sản của Ngân hàng vì vậy Chủ thẻ và người sử dụng thẻ không được phép chuyển nhượng Thẻ cho người khác và phải bảo quản, cất giữ Thẻ.
2. Thời hạn hiệu lực của Thẻ: Thẻ có thời hạn sử dụng tối đa 36 tháng (03 năm) kể từ tháng phát hành.
3. Thời hạn hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng có thời hạn tối đa 12 tháng. Ngân hàng sẽ thực hiện tái đánh giá Khách hàng định kỳ và thực hiện tái cấp hạn mức tín dụng cho Khách hàng khi đáp ứng đủ điều kiện.
4. Tái cấp hạn mức tín dụng: Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ thông báo về việc tái cấp thẻ tín dụng qua thư, điện thoại hoặc các hình thức khác cho Chủ thẻ trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn hạn mức thẻ tín dụng. Trong vòng (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo mà Ngân hàng không nhận được phản hồi của Chủ thẻ về việc không tiếp tục sử dụng Thẻ, đồng nghĩa với việc Chủ thẻ đồng ý tiếp tục sử dụng Thẻ.
5. Phương thức chuyển giao Thẻ và PIN, thông báo giữa Ngân hàng và Chủ thẻ: Ngân hàng có quyền chuyển Thẻ và PIN hoặc thông báo cho Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ theo địa chỉ đã đăng ký bằng bất cứ hình thức chuyển giao nào mà Ngân hàng cho rằng an toàn và phù hợp. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc Thẻ và PIN bị thất lạc, bị mất, bị đánh cắp hay lạm dụng trong trường hợp này.
6. Người sử dụng thẻ khi nhận được Thẻ phải ký vào mặt sau của Thẻ để bảo vệ Thẻ của mình. Khi sử dụng Thẻ để rút tiền mặt (tại các điểm rút tiền mặt) hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Người sử dụng thẻ phải ký trên hóa đơn giống chữ ký này trừ những giao dịch được thực hiện bằng đơn đặt hàng qua thư, điện thoại, Internet hoặc các loại hình khác được sự chấp thuận của Ngân hàng mà không yêu cầu có chữ ký của người sử dụng thẻ.
7. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm bảo mật và là người duy nhất được sử dụng Thẻ, PIN và/hoặc Mã OTP kể từ thời điểm Ngân

hàng cung cấp. Bất kỳ sự sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thẻ với PIN và/hoặc Mã OTP do Ngân hàng cấp, dù là do chính người sử dụng thẻ thực hiện hay bất kỳ người nào khác đều được xem là do chính người sử dụng thẻ thực hiện.

8. Trong trường hợp Thẻ bị mất, bị đánh cắp hoặc Thẻ hoặc chi tiết Thẻ đã bị sử dụng bởi một người nào khác mà không được sự ủy quyền của người sử dụng thẻ, chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ phải thông báo ngay lập tức bằng điện thoại hoặc văn bản cho Ngân hàng. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch thẻ đã thực hiện trước khi Ngân hàng xác nhận việc đã xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ về việc Thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc chi tiết Thẻ bị lạm dụng, ví dụ như giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả bởi bất kỳ người nào. Trong bất kỳ trường hợp nào, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc sử dụng Thẻ kể cả Chủ thẻ đã hành động gian lận hay do sơ suất trong việc sử dụng hay giữ an toàn Thẻ và chi tiết Thẻ. Chủ thẻ phải cung cấp ngay lập tức bất kỳ thông tin hay bằng chứng, bao gồm các thông tin về thời gian bị mất Thẻ, địa điểm bị mất Thẻ, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu hợp lý của Ngân hàng để hỗ trợ cho việc điều tra về lạm dụng Thẻ. Chủ thẻ phải thông báo và đề nghị cấp lại Thẻ bằng văn bản hoặc điện thoại cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ xem xét và quyết định cấp lại Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất, bị lộ PIN (mà Chủ thẻ đã thông báo cho Ngân hàng), Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ và gửi lại cho Ngân hàng. Phí thay thế Thẻ sẽ được ghi nợ lên Tài khoản của Chủ thẻ để thanh toán phí thay thế Thẻ và chi phí có liên quan khác.
9. Nếu Thẻ bị giữ tại ATM/ĐVCNT, Chủ thẻ phải đề nghị Ngân hàng khóa Thẻ và cấp lại thẻ.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Chủ thẻ

1. Chủ thẻ có quyền được dùng Thẻ để Giao dịch rút tiền mặt và thực hiện các giao dịch khác do Ngân hàng quy định tại tất cả các ATM/ĐVCNT thuộc hệ thống của Ngân hàng và các ATM/ĐVCNT thuộc mạng lưới của tổ chức thẻ mà Ngân hàng có liên kết.
2. Chủ thẻ có quyền được dùng Thẻ để Giao dịch thanh toán tại tất cả các ĐVCNT của Ngân hàng và các Ngân hàng khác thuộc mạng lưới của tổ chức thẻ mà Ngân hàng có liên kết.
3. Chủ thẻ được quyền mở hoặc chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng mà không cần sự đồng ý của người sử dụng thẻ.
4. Chủ thẻ ủy quyền, cho phép Người sử dụng thẻ được quyền thực hiện các giao dịch thẻ trong hạn mức tín dụng được cấp.
5. Người sử dụng thẻ được quyền kiểm tra, thắc mắc về các vấn đề xảy ra khi sử dụng Thẻ, được quyền yêu cầu khóa thẻ tạm thời, khóa thẻ vĩnh viễn và cấp lại PIN.
6. Chủ thẻ có quyền khiếu nại Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng vi phạm các quy định của pháp luật và Bản Điều khoản và Điều kiện này.
7. Chủ thẻ có quyền tra soát, khiếu nại về các giao dịch và dịch vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định tại Điều 16 Bản Điều khoản và điều kiện này. Người sử dụng thẻ chỉ được quyền tra soát, khiếu nại về các giao dịch và dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng.

8. Chủ thẻ có quyền yêu cầu Ngân hàng cung cấp thông tin liên quan đến số dư, lịch sử giao dịch thẻ tín dụng và các thông tin khác có liên quan.
9. Trong một số trường hợp đặc biệt, Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ phải điền đầy đủ thông tin vào Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Giấy xác nhận áp dụng cho việc nhận Thẻ, PIN và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và gửi lại cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ thông báo cho Chủ thẻ và người sử dụng thẻ khi yêu cầu Chủ thẻ và người sử dụng thẻ xác nhận theo hình thức này.
10. Chủ thẻ khi mở Thẻ có trách nhiệm đến địa điểm giao dịch của Ngân hàng nhận Thẻ. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày mở Thẻ nếu Chủ thẻ không đến Ngân hàng nhận Thẻ, PIN thì Thẻ, PIN sẽ bị hủy và Chủ thẻ sẽ chịu các chi phí phát sinh (nếu có). Các khoản phí đã thanh toán cho Ngân hàng trước thời điểm Thẻ, PIN bị hủy sẽ không được hoàn lại với bất cứ lý do gì.
11. Chủ thẻ cam kết những nội dung như sau:
 - a. Đồng ý nhận sao kê giao dịch hàng tháng qua email đăng ký trên Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Các chi thị của Chủ thẻ thông qua số điện thoại đã đăng ký (bao gồm nhưng không giới hạn ở chi thị kích hoạt Thẻ tín dụng) sẽ có giá trị ràng buộc giữa Chủ thẻ và Ngân hàng.
 - b. Tuân theo các yêu cầu của Ngân hàng khi kiểm tra các thông tin của Chủ thẻ.
 - c. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các giấy tờ cá nhân cung cấp cho Ngân hàng để mở Thẻ.
 - d. Thực hiện theo toàn bộ các yêu cầu của Ngân hàng, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết trong quá trình thực hiện các giao dịch thẻ, giải quyết khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến giao dịch thẻ.
 - e. Không sử dụng Thẻ vào các giao dịch thẻ hoặc các mục đích trái với quy định pháp luật. Chủ thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu sử dụng Thẻ cho những giao dịch vi phạm pháp luật và/hoặc quy định của Ngân hàng. Ngân hàng có quyền từ chối hoặc hủy bỏ đối với những giao dịch này.
12. Chủ thẻ chịu toàn bộ các rủi ro phát sinh khi thực hiện các giao dịch thẻ thông qua các kênh thanh toán trên Internet, mọi vấn đề liên quan đến hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thanh toán và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp với ĐVCNT. Bất kể có tranh chấp gì xảy ra giữa Chủ thẻ và ĐVCNT cũng không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.
13. Chủ thẻ chịu mọi trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch do người sử dụng thẻ thực hiện.
14. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch và những khoản phí liên quan đến giao dịch thẻ được thực hiện bằng chữ ký kể cả trường hợp người sử dụng thẻ ký chữ ký không giống với chữ ký đã đăng ký hoặc không ký xác nhận lên hóa đơn giao dịch.
15. Người sử dụng thẻ đồng ý nhận các các tin nhắn cảnh báo giao dịch thẻ từ ngân hàng qua số điện thoại đăng ký trên Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng.
16. Khi thông báo việc chấm dứt sử dụng Thẻ cho Ngân hàng, Chủ thẻ không được sử dụng lại Thẻ đã đề nghị hủy. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch, phí, tiền lãi, tiền phạt và bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại nào (nếu có) phát

- sinh từ việc sử dụng thẻ trước hoặc sau thời điểm chấm dứt sử dụng Thẻ.
17. Chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch thẻ phải chịu phí và lãi suất theo biểu phí và lãi suất theo quy định của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ và được thu theo phương thức được quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
 18. Chủ thẻ có trách nhiệm phải thông báo ngay lập tức cho Ngân hàng những thay đổi về thông tin Chủ thẻ bao gồm thay đổi về địa chỉ và/hoặc các thông tin liên lạc, những thông tin khác mà Ngân hàng yêu cầu trong từng thời kỳ.
 19. Chủ thẻ có trách nhiệm hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng đối với các giao dịch mà Chủ thẻ rút thừa, giao dịch ghi có nhằm vào Tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và ĐVCNT đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhằm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Chủ thẻ đồng ý để Ngân hàng tự động ghi nợ để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ.
 20. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch, phí, lãi do việc sử dụng Thẻ theo Bảng sao kê mà Ngân hàng lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc nhận trễ sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các giao dịch, phí, lãi được phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định.
 21. Chủ thẻ chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng thẻ phát sinh sau khi Ngân hàng đã tư vấn khóa thẻ/đổi PIN/cấp lại thẻ nhưng chủ thẻ không đồng ý thực hiện hoặc chưa thực hiện.
 22. Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro, tranh chấp, thiệt hại phát sinh liên quan đến giao dịch thực hiện thông qua CHIP và/hoặc các giao dịch thanh toán trực tuyến có sử dụng dịch vụ xác thực.
 23. Chủ thẻ có nghĩa vụ cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu khi được Ngân hàng yêu cầu và đồng ý cho Ngân hàng toàn quyền sử dụng và quyết định việc cung cấp thông tin và tài liệu của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật.
 24. Chủ thẻ có quyền yêu cầu Ngân hàng hoàn trả lại số tiền dư có trên thẻ chưa sử dụng hết.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của Ngân hàng

1. Ngân hàng được quyền thu thập, sử dụng và kiểm tra thông tin Khách hàng cung cấp để quyết định đồng ý hay từ chối cấp Thẻ.
2. Ngân hàng có quyền được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với Chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - a. Hệ thống gặp sự cố hoặc báo lỗi và nằm ngoài khả năng của Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng, ATM, POS, ĐVCNT và/hoặc các phương tiện thanh toán khác từ chối thực hiện giao dịch thẻ hoặc từ chối PIN và/hoặc Mã OTP với bất kỳ lý do gì.
 - c. Xảy ra sự cố do sự kiện bất khả kháng như động đất, thiên tai lũ lụt và chiến tranh.
 - d. Các giao dịch thẻ được thực hiện hoặc các hậu quả xảy ra do sự gian lận, lừa đảo, giả mạo và/hoặc phá hoại.
 - e. Bất cứ giao dịch thẻ nào bị Ngân hàng, ĐVCNT và/hoặc Bên thứ ba từ chối thực hiện.
 - f. Thẻ không được đảm bảo an toàn hoặc bị lộ PIN do lỗi và/hoặc sơ suất của Chủ thẻ.

- g. Việc giao hàng hoặc chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán thông qua giao dịch thẻ.
3. Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ quyết định việc thu hồi Thẻ, ngừng và/hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Thẻ, ngăn chặn hoặc từ chối giao dịch thẻ và/hoặc khóa Thẻ ngay khi phát sinh các trường hợp sau đây:
 - a. Nghi ngờ Thẻ giả;
 - b. Nghi ngờ giao dịch Thẻ không phải là do Chủ thẻ thực hiện hoặc giao dịch đó trái với quy định pháp luật;
 - c. Nghi ngờ thông tin khách hàng cung cấp là giả mạo, không chính xác;
 - d. Chủ thẻ vi phạm pháp luật và/hoặc các quy định của Ngân hàng;
 - e. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Ngân hàng được toàn quyền cung cấp thông tin của Chủ thẻ/người sử dụng thẻ liên quan đến Thẻ, giao dịch thẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào theo quyết định của Ngân hàng.
5. Ngân hàng có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, thắc mắc từ phía Chủ thẻ khi có các lỗi phát sinh từ phía Ngân hàng.
6. Ngân hàng được phép quyết định thay đổi số thẻ và/hoặc ngày hết hạn khi phát hành lại Thẻ mới hoặc thay thế thẻ cho Chủ thẻ. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện thanh toán giao dịch. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ giao dịch bị từ chối, dù là số Thẻ cũ hay trường hợp khác.
7. Ngân hàng có quyền thực hiện việc ghi có và/hoặc ghi nợ trên Tài khoản liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này và/hoặc vì bất cứ lý do gì nhằm điều chỉnh/khắc phục sai sót (nếu có) mà không cần thông báo trước và bất kể sự đồng ý của Chủ thẻ.
8. Ngân hàng thực hiện việc phong tỏa số tiền trên Tài khoản hoặc tạm hoãn ghi có tiền vào Tài khoản khi có dấu hiệu không bình thường hoặc nghi ngờ giao dịch ghi có bị sai sót, không hợp lệ,... nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản của Chủ thẻ.
9. Khi đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải trả, Ngân hàng được toàn quyền tự động trích hoặc yêu cầu trích các tài khoản tiền gửi của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thu nợ.
10. Ngân hàng không có nghĩa vụ cung cấp hóa đơn giao dịch đối với giao dịch Easy Payment.
11. Ngân hàng hoàn toàn không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đến danh dự, uy tín của Chủ thẻ phát sinh từ việc chấm dứt sử dụng Thẻ.

Điều 7. Hạn mức sử dụng và Hạn mức giao dịch

1. Hạn mức sử dụng: là số tiền tối đa Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ được phép sử dụng để thực hiện các giao dịch thẻ, tối đa bằng 105% tổng Hạn mức tín dụng được cấp. Khi Chủ thẻ sử dụng Thẻ giao dịch vượt tổng Hạn mức tín dụng được cấp, Ngân hàng sẽ áp dụng phí vượt hạn mức theo biểu phí hiện hành.
2. Khi Chủ thẻ đã sử dụng hết hạn mức sử dụng được Ngân hàng cho phép, Ngân hàng có quyền từ chối bất kỳ giao dịch nào và tạm dừng hoạt động của Thẻ mà không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ.

3. Chủ thẻ có thể đề nghị Ngân hàng xem xét tăng/giảm hạn mức tín dụng đã được cấp. Tùy vào nhận định của Ngân hàng trong từng thời kỳ dựa trên kết quả đánh giá tín dụng của Thẻ, năng lực tài chính của Chủ thẻ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh hạn mức tín dụng Thẻ được cấp cho Chủ thẻ bằng việc thông báo theo các phương thức quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
4. Hạn mức giao dịch: đối với giao dịch thẻ, Ngân hàng có quyền giới hạn giá trị của mỗi và/hoặc tổng các giao dịch trên Thẻ trong một ngày và/hoặc một chu kỳ giao dịch và/hoặc được thay đổi bởi Ngân hàng mà không cần phải thông báo cho Chủ thẻ.

Điều 8. Bảng sao kê giao dịch

1. Hàng tháng, Chủ thẻ sẽ nhận Bảng sao kê liệt kê chi tiết các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ giao dịch, các bút toán điều chỉnh (nếu có), tổng số dư nợ, số tiền tối thiểu phải thanh toán, ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác.
Ngân hàng sẽ không gửi Bảng sao kê cho chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - Dư có và không có phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - Dư nợ bằng 0 và không phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - Nợ xấu nhóm 3 hoặc đã được cơ cấu nợ;
2. Bảng sao kê được lập vào một ngày cố định trong tháng do Ngân hàng ấn định và thông báo cho Chủ thẻ. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày lập Bảng sao kê, nếu Chủ thẻ không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng thì được xem là Chủ thẻ đã nhận được Bảng sao kê và các chi tiết trên Bảng sao kê là đúng, Chủ thẻ đồng ý thanh toán toàn bộ dư nợ được ghi trên Bảng sao kê. Nếu Chủ thẻ có bất kỳ khiếu nại nào về giao dịch thẻ hiện trên Bảng sao kê, Chủ thẻ phải thông báo cho Ngân hàng để được giải quyết. Việc không nhận được hay nhận trễ Bảng sao kê sẽ không loại trừ trách nhiệm thanh toán dư nợ thẻ của Chủ thẻ.
3. Ngân hàng có quyền gửi Bảng sao kê cho Chủ thẻ theo bất kỳ hình thức nào mà Ngân hàng cho là phù hợp như gửi đến địa chỉ email mà Chủ thẻ đã đăng ký hoặc gửi bản giấy đến địa chỉ mà Chủ thẻ đã đăng ký nếu Chủ thẻ không đăng ký địa chỉ email.

Điều 9. Thanh toán dư nợ thẻ

1. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả số tiền nợ được ghi trên Bảng sao kê bao gồm tất cả các giao dịch của thẻ tín dụng, lãi, phí phát sinh (nếu có) chậm nhất vào Ngày đến hạn được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng ở mục “Thanh toán trước ngày”. Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán tổng số dư nợ thẻ, Khoản thanh toán tối thiểu hoặc một khoản tiền lớn hơn Khoản thanh toán tối thiểu cho Ngân hàng.
2. Khoản thanh toán của Chủ thẻ sẽ được áp dụng theo thứ tự sau (hoặc theo bất kỳ thứ tự nào mà Ngân hàng cho là phù hợp):
 - a. Các khoản phí;
 - b. Các khoản lãi;
 - c. Giao dịch rút tiền mặt/chuyển khoản;
 - d. Giao dịch thanh toán.
3. Các giao dịch thẻ được thực hiện bằng ngoại tệ (không phải Việt Nam Đồng) sẽ được quy đổi sang Việt Nam Đồng theo một tỷ giá do tổ chức thẻ quốc tế áp dụng vào ngày quy đổi cộng thêm phí giao dịch ngoại tệ do Ngân hàng quy định tùy theo từng thời điểm.

4. Nếu hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của Ngân hàng thì Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán dư nợ Thẻ vào trước 17:00:00 giờ ngày làm việc liền trước hạn thanh toán nếu như Ngân hàng không chỉ định một thời hạn thanh toán nào khác. Nếu thanh toán sau thời gian này, Chủ thẻ phải chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh (nếu có).

Điều 10. Thanh toán tự động dư nợ thẻ

1. Chủ thẻ có thể đăng ký dịch vụ Thanh toán tự động theo chỉ tiêu là toàn bộ dư nợ hoặc khoản thanh toán tối thiểu nếu có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào mà Ngân hàng có thỏa thuận về việc ghi nợ tự động để thanh toán thẻ tín dụng. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản được chỉ định để thanh toán tự động phải có đủ số dư trước ngày Ngân hàng thực hiện thanh toán tự động. Trong trường hợp tài khoản thanh toán không đủ số dư so với chỉ tiêu thanh toán tự động đã đăng ký, Ngân hàng sẽ thu toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản để thanh toán dư nợ cho Thẻ, Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho các khoản dư nợ thẻ hoặc khoản dư nợ còn lại đúng thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê và chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh nếu có.
2. Việc thanh toán tự động cho Thẻ được Ngân hàng thực hiện trước thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê 01(một) ngày. Nếu tài khoản thanh toán không đủ số dư vào ngày Ngân hàng thực hiện thanh toán tự động, Ngân hàng có thể hỗ trợ nhưng không có nghĩa vụ thực hiện thanh toán tự động lần thứ 02 (hai) vào ngày đến hạn thanh toán nhằm thu thêm khoản nợ còn thiếu so với chỉ tiêu Chủ thẻ đăng ký.
3. Trường hợp hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ thực hiện thanh toán tự động vào ngày làm việc liền trước ngày nghỉ, ngày lễ 02 (hai) ngày hoặc vào một ngày làm việc được Ngân hàng cho là phù hợp và sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ. Nếu như Ngân hàng chỉ định một thời hạn thanh toán khác cho kỳ sao kê đó thì ngày thực hiện thanh toán tự động cũng được thay đổi theo và Ngân hàng sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ.

Điều 11. Cách tính lãi

Các khoản dư nợ của Chủ thẻ sẽ được áp dụng lãi suất theo cách sau:

1. Giao dịch thanh toán, các khoản phí và lãi:
 - a. Nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ trước 17:00:00 giờ của Ngày đến hạn thanh toán được thông báo trên Bảng sao kê, Chủ thẻ sẽ được miễn lãi đối với tất cả các giao dịch Chủ thẻ đã thực hiện được liệt kê trong Bảng sao kê đó, ngoại trừ Giao dịch rút tiền mặt. Ngân hàng có quyền thay đổi thời gian yêu cầu Chủ thẻ thanh toán và sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo bất kỳ hình thức nào mà Ngân hàng cho là phù hợp.
 - b. Nếu Chủ thẻ chỉ thanh toán một phần dư nợ hoặc thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ được thông báo trên Bảng sao kê không đúng theo thời hạn quy định tại Điểm a), Khoản 1, Điều này thì:
 - (i) Lãi suất sẽ được áp dụng đối với tất cả các khoản tiền ghi nợ phát sinh được liệt kê trong Bảng sao kê đó và bất kỳ khoản tiền ghi nợ mới phát sinh trong Bảng sao kê liền kề sau đó (bao gồm tất cả các giao dịch

thẻ và các khoản phí, lãi phát sinh trên tài khoản thẻ nếu có).

- (ii) Lãi suất được tính từ ngày phát sinh khoản tiền cho đến ngày khoản tiền đó được thanh toán đầy đủ.
 - (iii) Số tiền lãi Chủ thẻ phải trả sẽ được thông báo trên các Bảng sao kê tiếp theo.
- c. Giao dịch rút tiền mặt: ngoài Phí rút tiền mặt, Ngân hàng sẽ tính lãi đối với số tiền ghi nợ từ ngày Giao dịch rút tiền mặt được thực hiện cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền ghi nợ phát sinh từ Giao dịch rút tiền mặt. Việc tính lãi nêu trên không phụ thuộc vào ngày lập Bảng sao kê và ngày đến hạn thanh toán.

Điều 12. Vi phạm hợp đồng

1. Ngân hàng sẽ xem như Chủ thẻ đã vi phạm Hợp Đồng trong trường hợp Chủ thẻ không thanh toán ít nhất Khoản thanh toán tối thiểu cho đến kỳ phát hành Bảng sao kê tiếp theo. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một Tài khoản tại Ngân hàng thì việc vi phạm ở một Tài khoản sẽ được xem như vi phạm ở tất cả các Tài khoản khác.

Chủ thẻ ủy quyền và cho phép Ngân hàng có quyền trích tiền từ tất cả các tài khoản của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thanh toán cho dư nợ thẻ mà không cần có sự đồng ý trước của Chủ thẻ.

2. Khi việc vi phạm Hợp đồng xảy ra, Ngân hàng có toàn quyền quyết định:
- a. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu toàn bộ nợ;
 - b. Giảm hạn mức tín dụng của Thẻ;
 - c. Từ chối các giao dịch;
 - d. Đồng ý hay từ chối cấp Thẻ cho Chủ thẻ cho dù Chủ thẻ có đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ của Ngân hàng bao gồm việc cấp mới, phát hành lại, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
 - e. Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;
 - f. Được Chủ thẻ ủy quyền thay mặt Chủ thẻ để ký bất kỳ/tất cả các tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ Chủ thẻ;
 - g. Áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều kiện tính lãi đối với toàn bộ dư nợ theo quy định được công bố của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - h. Đưa tên Chủ thẻ vào danh sách các Chủ thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của Ngân hàng, của bất cứ cơ quan nhà nước hoặc tổ chức nào khác theo quyền quyết định của Ngân hàng;
 - i. Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản được giữ bởi Ngân hàng;
 - j. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền trích nợ từ tài khoản đăng ký, các tài khoản tiền gửi khác của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng, sổ tiết kiệm của Chủ thẻ để thu nợ theo các phương thức được Ngân hàng lựa chọn mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ phía Chủ thẻ. Trong trường hợp xử lý sổ tiết kiệm là tài sản đảm bảo của Chủ thẻ hoặc trích nợ từ tiền gửi tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán dư

nợ, Ngân hàng được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước thời hạn gửi tiền của Chủ thẻ;

- k. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền thu nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ tại Ngân hàng mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.
- l. Trong trường hợp Ngân hàng đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn chưa đủ để thu hồi hết nợ, Chủ thẻ vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng toàn bộ dư nợ còn lại.

Điều 13. Nghĩa vụ thuế Hoa Kỳ

1. Các dấu hiệu Hoa Kỳ theo quy định của Đạo luật Tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ (Đạo luật FATCA):
- a. Khách hàng cá nhân: Là khách hàng cá nhân có mang một trong các dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ theo chi tiết như sau:
 - Công dân Hoa Kỳ hoặc người cư trú dài hạn có thẻ xanh hoặc người cư trú Hoa Kỳ (hiện diện/sống tại Hoa Kỳ hơn 31 ngày trong 01 năm và trên 1 83 ngày trong 03 năm);
 - Nơi sinh tại Hoa Kỳ;
 - Địa chỉ cư trú hay địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ (bao gồm hòm thư bưu điện tại Hoa Kỳ);
 - Số điện thoại tại Hoa Kỳ;
 - Có hơn một lệnh yêu cầu thanh toán vào hoặc nhận được từ một tài khoản được duy trì trong lãnh thổ Hoa Kỳ;
 - Địa chỉ “nhờ chuyển thư” hay địa chỉ “giữ thư” mà địa chỉ đó là địa chỉ duy nhất đối với khách hàng tại Hoa Kỳ;
 - Có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ;
 - Người liên quan của khách hàng cá nhân có một trong các yếu tố Hoa Kỳ của:
 - + Khách hàng cá nhân nêu trên (trường hợp Người liên quan là cá nhân); hoặc
 - + Khách hàng tổ chức theo điểm b khoản 1 Điều này (trường hợp Người liên quan là tổ chức);
 - b. Khách hàng tổ chức: Là khách hàng tổ chức có mang một trong các dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ theo chi tiết như sau:
 - Công ty có giấy phép kinh doanh ở Hoa Kỳ và được sở hữu 1 00% bởi công dân Hoa Kỳ;
 - Thành lập tại Hoa Kỳ;
 - Địa chỉ văn phòng hay địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ (bao gồm hòm thư bưu điện tại Hoa Kỳ);
 - Số điện thoại tại Hoa Kỳ;
 - Có hơn một lệnh yêu cầu thanh toán vào hoặc nhận được từ một tài khoản được duy trì trong lãnh thổ Hoa Kỳ;
 - Địa chỉ “nhờ chuyển thư” hay địa chỉ “giữ thư” mà địa chỉ đó là địa chỉ duy nhất đối với khách hàng tại Hoa Kỳ;
 - Có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ;

- Người có quyền kiểm soát của khách hàng tổ chức có một trong các yếu tố Hoa Kỳ của:
 - + Khách hàng cá nhân được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (trường hợp Người có quyền kiểm soát là cá nhân); hoặc
 - + Khách hàng tổ chức nêu trên (trường hợp Người có quyền kiểm soát là tổ chức);
- 2. Chủ thẻ xác nhận những thông tin kê khai theo luật thuế Hoa Kỳ được cung cấp ở “Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng” và/hoặc “Giấy đề nghị thay đổi/thêm mới thông tin” là đúng, chính xác và đầy đủ. Bằng việc đánh dấu vào những ô thích hợp tại phần “Thông tin kê khai theo Luật Thuế Hoa Kỳ”, Chủ thẻ đã khai báo về tình trạng thuế theo luật thuế Hoa Kỳ. Chủ thẻ hiểu rằng việc kê khai sai hoặc gây hiểu lầm về tình trạng thuế của Chủ thẻ có thể dẫn đến việc bị phạt bởi Luật Thuế Hoa Kỳ, đặc biệt là Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài (FATCA) và cam kết chấp nhận chi trả các khoản phạt này.
- 3. Chủ thẻ đồng ý cung cấp cho Ngân hàng những thông tin, hồ sơ có liên quan theo như yêu cầu của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trong trường hợp có bất cứ sự thay đổi nào trong các thông tin mà Chủ thẻ cung cấp cho Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi tình trạng thuế Hoa Kỳ hoặc Chủ thẻ trở thành công dân hoặc người cư trú tại Hoa Kỳ, Chủ thẻ cam kết thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng, trong mọi tình huống, trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự thay đổi để điều chỉnh và/hoặc cập nhật các thông tin của Chủ thẻ, các thông tin được thay đổi và/hoặc cập nhật này sẽ được sử dụng và thay thế cho các thông tin mà Chủ thẻ đã cung cấp cho Ngân hàng trước đó.
- 4. Tùy theo luật pháp hoặc quy định áp dụng tại địa phương, Chủ thẻ chấp thuận cho Ngân hàng hoặc bất kỳ Công ty con/Công ty liên kết của Ngân hàng (bao gồm chi nhánh) chia sẻ thông tin của Chủ thẻ không hạn chế cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ của bên thứ ba khi cần thiết để thiết lập nghĩa vụ thuế của Chủ thẻ trong bất kỳ thẩm quyền nào.
- 5. Trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan quản lý hoặc cơ quan thuế trong hay ngoài nước, Chủ thẻ chấp thuận và đồng ý rằng Ngân hàng có thể giữ lại từ (các) tài khoản của Chủ thẻ số tiền như được yêu cầu theo luật, quy định và chỉ thị hiện hành. Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng Ngân hàng có toàn quyền (i) đóng (các) tài khoản; (ii) không tiếp tục cung cấp các dịch vụ ngân hàng; (iii) chuyển số tiền có trên tài khoản cho bất kỳ Công ty con/Công ty liên kết của Ngân hàng theo như yêu cầu của bất kỳ cơ quan thuế nào. Theo đó, Ngân hàng sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến khoản thuế hoặc số tiền mà Ngân hàng giữ lại theo yêu cầu của cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước và/hoặc bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào phát sinh do việc Ngân hàng tuân thủ theo quy định của các cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước.
- 6. Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm thanh toán bồi hoàn cho Ngân hàng bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn chi phí và phí tổn thu hồi các thiệt hại này phát sinh do việc phá vỡ và/hoặc không tuân thủ theo các nội dung tại cam kết này và/hoặc Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cũng như việc cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sai lệch. Ngân hàng có toàn quyền thực hiện mọi hành động

nhằm mục đích thu hồi lại các mất mát và thiệt hại mà Ngân hàng đã chịu, bao gồm nhưng không giới hạn việc xử lý tài sản thuộc sở hữu của Chủ thẻ.

7. Chủ thẻ đồng ý rằng các nội dung cam kết nêu trên sẽ thay thế các nội dung mà Chủ thẻ đã cam kết với Ngân hàng tại các văn bản khác phát sinh trước đây.
8. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng hoặc công ty con, công ty liên kết (bao gồm các Chi nhánh/Phòng giao dịch) tuân thủ theo quy định thuế của Hoa Kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin một cách không giới hạn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cần thiết để thiết lập các nghĩa vụ về thuế theo quy định.
9. Ngân hàng sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các khoản thuế phải trích lập đối với các khoản thanh toán đã được báo cáo cho Chủ thẻ theo quy định Thuế của Hoa Kỳ.
10. Khi được yêu cầu bởi cơ quan quản lý trong nước hoặc nước ngoài, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được trích tiền từ tài khoản của mình khoản tiền được yêu cầu theo quy định pháp luật hoặc theo lệnh của cơ quan quản lý.

Điều 14. Tuân thủ nghĩa vụ thuế

1. Chủ thẻ hiểu rõ rằng Ngân hàng không có nghĩa vụ tư vấn các vấn đề liên quan đến Thuế. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm với nghĩa vụ báo cáo và nộp thuế trên toàn cầu cho các khoản thu nhập liên quan đến (các) tài khoản của Chủ thẻ và hiểu rằng Ngân hàng yêu cầu Chủ thẻ tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ Thuế. Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm tìm kiếm các tư vấn Thuế độc lập cho bất kỳ giao dịch hoặc hướng dẫn nào liên quan đến tài khoản của Chủ thẻ tại Ngân hàng. Trong trường hợp có giấy giới thiệu bởi bên thứ ba cho tư vấn thuế cụ thể, hợp đồng cho tư vấn thuế giữa Chủ thẻ và bên thứ ba, và bất cứ tư vấn nào được đưa ra thì đó là trách nhiệm của bên thứ ba, chứ không phải của Ngân hàng.
2. Chủ thẻ có nghĩa vụ cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan khi được Ngân hàng yêu cầu theo yêu cầu của luật pháp nhằm cho phép Ngân hàng tuân thủ đầy đủ tính pháp lý và các nghĩa vụ báo cáo thuế của Ngân hàng.

Điều 15. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ

1. Ngoại trừ các trường hợp chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo các điều khoản khác của Bản Điều khoản và Điều kiện này, Ngân hàng và Chủ thẻ có quyền đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi hai Bên đã giải quyết xong các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính của các Bên và phải thông báo cho nhau.
2. Ngân hàng có thể đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thu hồi nợ trước hạn mà không cần phải thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này khi xảy ra các trường hợp sau:
 - a. Khi Chủ thẻ vi phạm các nghĩa vụ, cam kết đối với Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng tái đánh giá hạn mức tín dụng và Chủ thẻ không đủ điều kiện tái cấp hạn mức tín dụng.
 - c. Các giao dịch có dấu hiệu không bình thường nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản của Chủ thẻ.
 - d. Chủ thẻ phá sản; Bên bảo đảm (nếu có) phá sản/ chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp nhận.

- e. Chủ thẻ và/hoặc bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp hạn mức tín dụng.
 - f. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế.
 - g. Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc Thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại Ngân hàng và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ, toàn bộ Dư nợ của Chủ thẻ theo Hợp đồng này cũng được xem như là quá hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ. Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ.
 - h. 12 tháng liên tục mà không phát sinh giao dịch trên Thẻ của Chủ thẻ.
3. Chủ thẻ có thể đơn phương yêu cầu Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng Thẻ của người sử dụng thẻ .
 4. Sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực:
 - a. Chủ thẻ vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch thẻ, phí và/hoặc chi phí phát sinh, các khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trước hoặc sau thời điểm chấm dứt.
 - b. Hiệu lực của Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện này sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Chủ thẻ hoàn tất mọi nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng.
 - c. Chủ thẻ thực hiện hoàn trả lại tất cả các Thẻ cho Ngân hàng.
 - d. Đối với trường hợp chấm dứt sử dụng thẻ có đảm bảo: Ngân hàng chỉ thực hiện giải tỏa tài sản đảm bảo (nếu có) khi Chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ phát sinh trong tài khoản Thẻ .
 - e. Bất kỳ khoản dư có nào không có người nhận còn tồn tại trong tài khoản đã được chấm dứt sau 06 tháng sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng.

Điều 16. Tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng thẻ

1. Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.
2. Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại: qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần) và qua các điểm giao dịch của Ngân hàng.
3. Yêu cầu khiếu nại, tra soát của Chủ thẻ/người sử dụng thẻ phải được thực hiện bằng mẫu giấy đề nghị tra soát, khiếu nại do Ngân hàng ban hành. Trường hợp khiếu nại, tra soát qua tổng đài điện thoại thì người sử dụng thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày khiếu nại, tra soát qua điện thoại để làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại.
4. Xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại: Ngân hàng giải quyết đề nghị tra soát, khiếu nại và trả lời kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ trong phạm vi thời hạn:

- a. Đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại tối đa không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ /Người sử dụng thẻ;
 - b. Đối với thẻ có BIN do tổ chức thẻ quốc tế cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và phản hồi lần đầu tiên cho Chủ thẻ là 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ /Người sử dụng thẻ.
5. Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:
 - a. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ/người sử dụng thẻ, Ngân hàng thực hiện bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện sau: sự hư hỏng hoặc sự cố nào xuất phát từ lỗi của ATM, POS và/hoặc bất kỳ thiết bị máy móc nào của Ngân hàng, sự cố kỹ thuật từ hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng, lỗi phát sinh từ nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông và/hoặc điện lực hoặc bất kỳ sự kiện nào không thuộc tầm kiểm soát của Ngân hàng và những sự kiện khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo khoản 4 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Ngân hàng sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.

Điều 17. Thông báo

1. Chủ thẻ cam kết địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại và/hoặc email (gọi chung là “Thông tin liên lạc”) nêu tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng là thông tin liên lạc hiện nay của Chủ thẻ. Đây là các thông tin liên lạc mà Ngân hàng có thể gửi tất cả các thông báo, Bảng sao kê giao dịch hàng tháng và chương trình khuyến mại đến cho Chủ thẻ trong quá trình Bản Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Chủ thẻ thực hiện nghĩa vụ của mình với Ngân hàng.
 Các chi thị của khách hàng thông qua số điện thoại đã đăng ký (bao gồm nhưng không giới hạn ở chi thị kích hoạt Thẻ) sẽ có giá trị ràng buộc Chủ thẻ.
2. Tất cả các thông báo của Ngân hàng gửi đến cho Chủ thẻ sẽ được Ngân hàng công bố trên website: www.card.vietcapitalbank.com.vn hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc được Ngân hàng niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc Ngân hàng.
3. Chủ thẻ được xem là đã nhận được thông báo, tài liệu của Ngân hàng trong các trường hợp sau:
 - a. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày gửi (tính theo dấu bưu điện) nếu được gửi bằng thư; hoặc
 - b. Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax, Thư điện tử (email), số điện thoại mà Chủ thẻ đăng ký với Ngân hàng; hoặc

- c. Vào ngày công bố trên website nêu tại khoản 1 Điều này hoặc ngày Ngân hàng niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc Ngân hàng.

Điều 18. Quy định khác

1. Sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện này: Ngân hàng được phép thay thế, sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này và thông báo cho Chủ thẻ theo các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Chủ thẻ đã cung cấp cho Ngân hàng hoặc công bố trên website của Ngân hàng www.card.vietcapitalbank.com.vn hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Ngân hàng. Các nội dung được thay thế, sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi sự thay thế, sửa đổi, bổ sung nêu trên có hiệu lực trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
2. Trao đổi bằng điện thoại: Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ đồng ý bằng hình thức gọi điện thoại hoặc chấp nhận cuộc điện thoại từ Ngân hàng hoặc Bên thứ ba được Ngân hàng ủy quyền, Ngân hàng hoặc Bên thứ ba được Ngân hàng ủy quyền có thể ghi âm lại cuộc gọi và sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn cho những mục đích như nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho Chủ thẻ, làm chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp hoặc trong quá trình tiến hành các thủ tục hành chính, tố tụng (nếu có).
3. Chuyển nhượng: Chủ thẻ không được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Hợp đồng cho bất kỳ Bên thứ ba nào. Ngân hàng có quyền chuyển nhượng hay chuyển giao bằng hình thức khác toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng với bên thứ ba bằng việc thông báo trước cho Chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào hay chấp nhận tài liệu nào khi Ngân hàng hướng dẫn để tác động đến việc chuyển nhượng và chuyển giao được quy định tại điều này.
4. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp: Bản Điều khoản và Điều kiện này được điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Chủ thẻ và Ngân hàng mà không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
5. Giới hạn trách nhiệm: Bất kỳ kiện tụng nào phát sinh từ Hợp đồng hoặc bất kỳ hành động nào có liên quan đến mà Chủ thẻ hay bất kỳ bên nào đại diện cho Chủ thẻ có thể thực hiện khởi kiện chống lại Ngân hàng, trách nhiệm của Ngân hàng sẽ không vượt quá số tiền 350.000 VND (ba trăm năm mươi ngàn đồng) hay ít hơn tùy theo tổn thất được chứng minh thực tế.
6. Sự riêng biệt: Nếu có bất kỳ điều khoản, điều kiện hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Bản Điều khoản và Điều kiện này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không buộc thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện khác, một phần hoặc tất cả các khoản mục của Bản Điều khoản và Điều kiện này.
7. Thẻ có bảo đảm: Ngân hàng có thể thỏa thuận với Chủ thẻ biện pháp bảo đảm việc thanh toán đối với các nghĩa vụ Chủ thẻ theo

Hợp đồng. Nếu Thẻ kèm theo biện pháp bảo đảm được phát hành bởi Ngân hàng thì phương thức bảo đảm do Ngân hàng quy định sẽ được lập thành văn bản và văn bản này trở thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Việc Chủ thẻ bị chấm dứt cấp tín dụng tại Ngân hàng vì bất cứ lý do gì có thể dẫn đến việc chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quyết định của Ngân hàng.

8. Chi thị của Chủ thẻ
 - a. Chủ thẻ ủy quyền cho Ngân hàng thực hiện các công việc mà Ngân hàng cho rằng phù hợp dựa trên chi thị của Chủ thẻ cho Ngân hàng. Chi thị của Chủ thẻ có thể được thông báo hay trao đổi với Ngân hàng trong từng thời điểm thông qua thư, điện thoại, fax đã đăng ký với Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng có quyền yêu cầu những chi thị này của Chủ thẻ phải được gửi theo một mẫu cụ thể hoặc những chi thị này phải được xác nhận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác trước khi Ngân hàng thực hiện công việc dựa trên những chi thị này. Ngân hàng có quyền xử lý chi thị của Chủ thẻ như được ủy quyền hoàn toàn. Chủ thẻ bị ràng buộc trách nhiệm đối với việc thực hiện các bước liên quan đến chi thị này. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc thực hiện hay tuân theo các chi thị của Chủ thẻ.
 - c. Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác định người cung cấp chính xác các thông tin của Chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng là Chủ thẻ. Việc xác định Chủ thẻ bằng cách kiểm tra các thông tin Chủ thẻ đã đăng ký có thể được Ngân hàng thực hiện qua điện thoại hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý.
9. Ngôn ngữ: ngôn ngữ chính được sử dụng trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các văn bản, tài liệu liên quan giữa Ngân hàng và Chủ thẻ là tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các Bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.